TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:109/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 06/09/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán **: Ông Hoàng Chí Nguyện;**

Ông Phan Quyết Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hằng** – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân Thành phố HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN: **Bà Nguyễn Phương Lan**-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 100/2022/TLPT- HN&GĐ ngày 17 tháng 08 năm 2022. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 122/2022/HN&GĐ-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.Đ, thành phố HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2022/QĐPT-HN&GĐ ngày 22/08/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông H.S.H, sinh năm 1968.

Trú tại: thôn H.S, xã H.S, huyện M.Đ, Tp HN. *(Có mặt)*

Bị đơn: Bà L.T.T, sinh năm 1976.

Trú tại: thôn T.L, xã H.S, huyện M.Đ, Tp HN. *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông H.S.H trình bày: Ông H và bà L.T.T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H.S, huyện M.Đ,

Thành phố HN. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, chung sống không có hạnh phúc, tình cảm, thường xuyên lục đục, cãi vã xúc phạm lẫn nhau, ông đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông đã ly thân từ đầu tháng 6/2019 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay ông tha thiết xin ly hôn bà L.T.T để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Ông và bà L.T.T có 01 con chung là cháu L.H.H, sinh ngày 02/12/2017. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu H ở với bà T do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn ông đồng ý giao cháu H cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện nay ông đang công tác tại Công ty truyền tải điện HN với mức lương trung bình 12.000.000 đồng/tháng nên ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

- *Về tài sản chung:* Năm 2018 ông và bà T nhận chuyển nhượng một thửa đất số 24, tờ bản đồ số 11, diện tích 177m^2, địa chỉ: Thôn T.L, xã H.S, huyện M.Đ, thành phố HN, giá trị 214.000.000đ. Ngoài thửa đất trên vợ chồng ông không còn tài sản nào khác, vợ chồng ly hôn, ông đề nghị giao thửa đất trên cho con chung là cháu L.H.H. Ngày 12/01/2022 ông có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ông xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà L.T.T mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đầy đủ, hợp lệ nhưng bà T từ chối hợp tác, không làm việc với Tòa án, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Biên bản xác minh ngày 08/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H.S, huyện M.Đ, thành phố HN thể hiện: Ông H.S.H và bà L.T.T có đăng ký hợp pháp số 22/2014, quyển số 01/2014, ngày 25/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H.S. Sau khi kết hôn ông H và và T sinh sống và làm việc tại nội thành. Hiện tình cảm giữa ông H và bà T có xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, không hòa thuận. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ lâu, bà T ở với bố mẹ đẻ ở thôn T.L, xã H.S, ông H thường xuyên sinh sống và làm việc ở nội thành Thành phố HN, thỉnh thoảng ông H về quê nhưng sinh sống ở thôn Hạ Sở, xã H.S. Đến khoảng tháng 5/2021 Tòa

án nhân dân huyện M.Đ thụ lý, giải quyết đơn ly hôn của ông H. Địa phương đã rất nhiều lần phối hợp với Tòa án để tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T, đồng thời đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong các buổi làm việc này bà T đi làm vắng nhà, những người thân thích của bà đều từ chối hợp tác nên địa phương phối hợp với Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của địa phương: Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông H, bà T có 01 con chung là cháu L.H.H, sinh ngày 02/12/2017. Hiện nay cháu L.H.H đang ở với bà T, do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Ông H.S.H và bà L.T.T có 01 thửa đất số 24, tờ bản đồ số 11, diện tích 177m^2, địa chỉ: Thôn T.L, xã H.S, huyện M.Đ, thành phố HN, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H.S.H và bà L.T.T. Quá trình quản lý đất đai tại địa phưng đến nay, thửa đất trên không có tranh chấp về chủ sử dụng, không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 122/HNGĐ-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.Đ đã Quyết định: Ông H.S.H được ly hôn bà L.T.T; Giao con chung L.H.H, sinh ngày 02/12/2017 cho bà L.T.T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H.S.H cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L.T.T số tiền 3.000.000 đồng(Ba triệu đồng)/tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông H.S.H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung và công nợ chung: Ông H.S.H không yêu cầu giải quyết, Toà án không xem xét, giải quyết.Dành quyền khởi kiện cho bà L.T.T đối với yêu cầu về chia tài sản chung và công nợ chung vợ chồng trong vụ án khác nếu có yêu cầu. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/6/2022 bị đơn bà L.T.T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Hòa không rút yêu cầu khởi kiện, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về

phần tình cảm và con chung. Bà T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con, ấn định thời gian để buộc ông H chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con vào tài khoản của bà L.T.T vào ngày 28 hàng tháng; Về tài sản chung: Trường hợp Tòa án không giải quyết về tài sản chung thì không ghi bất cứ tài sản nào vào bản án, nếu ghi nhận tài sản chung vợ chồng thì phải ghi tất cả đầy đủ tài sản chung vợ chồng vào bản án.

Ông H không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là bà L.T.T trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con, ấn định thời gian chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con vào tài khoản của bà L.T.T vào ngày 28 hàng tháng; Về tài sản chung: Trường hợp Tòa án không giải quyết về tài sản chung thì không ghi bất cứ tài sản nào vào bản án, nếu ghi nhận tài sản chung vợ chồng thì phải ghi tất cả đầy đủ tài sản chung vợ chồng vào bản án. Hội đồng xét xử xét:

Ông H.S.H và bà L.T.T kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là hôn nhân hợp pháp. Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng ông bà chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống, chung sống không có hạnh phúc, tình cảm, thường xuyên cãi vã, lục đục. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai

quan tâm tới ai. Ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn và đề nghị cho ông được ly hôn bà T.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà T không có mặt tại Tòa án. Việc này chứng tỏ bà T không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà T là có căn cứ pháp luật.

Về con chung: Ông H.S.H và bà L.T.T có 01 con chung là cháu L.H.H, sinh ngày 02/12/2017. Hiện tại cháu đang ở cùng bà T và được bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cấp sơ thẩm đã giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 110 và 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại cấp phúc thẩm bà T có đơn xin rút một phần kháng cáo về phần tình cảm và phần con chung. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà T về phần tình cảm và phần con chung.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con, ấn định thời gian chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con vào tài khoản của bà L.T.T vào ngày 28 hàng tháng; Về tài sản chung: Trường hợp Tòa án không giải quyết về tài sản chung thì không ghi bất cứ tài sản nào vào bản án, nếu ghi nhận tài sản chung vợ chồng thì phải ghi tất cả đầy đủ tài sản chung vợ chồng vào bản án.

Hội đồng xét xử xét: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H khẳng định ông vẫn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng hình thức chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản cho bà T hàng tháng. Tuy nhiên do ông H được lĩnh lương vào ngày mùng năm hàng tháng, nên sau khi nhận được lương ông sẽ chuyển ngay cho bà T, do vậy ông không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T ấn định thời gian chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 28 hàng tháng. Về nội dung này, các đương sự tự thỏa thuận về thời điểm chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Đối với yêu cầu kháng cáo về tài sản chung của bà T: Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung, bị đơn bà T

không đến Tòa án, không có bản tự khai hay ý kiến bằng văn bản đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng. Do vậy, cấp sơ thẩm chưa có căn cứ để xem xét và giải quyết về nội dung đối với phần tài sản chung. Quyết định của bản án sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn khi có yêu cầu và có căn cứ bằng một vụ án khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét những nội dung đã được giải quyết tại cấp sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho đương sự thực hiện quyền của mình, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét căn cứ khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối với yêu cầu kháng cáo về phần tình cảm và phần nuôi con chung của bị đơn, những nội dung khác của bản án sơ thẩm sơ thẩm được giữ nguyên, có hiệu lực thi hành.

[3] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289; Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, Điều 81, Điều 82 , Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần tình cảm và con chung của bản án sơ thẩm số 122/2022/HNGĐ-ST ngày 26/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.Đ, HN. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.T.T về ấn định thời gian chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông H và phần tài sản chung, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 122/2022/HNGĐ-ST ngày 26/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.Đ có hiệu lực kể từ ngày Tòa tuyên án 06/09/2022.

3.Về án phí: Ông H.S.H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 38548 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.Đ, Thành phố HN. Ông H còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.Đ biên lai số AA/2020/0038966 ngày 16/6/2022, nay chuyển thành án phí. Bà T đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 09 năm 2022.

Nơi nhận:
- VKSNDTP HN;
- TAND huyện M.Đ, HN;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện M.Đ, HN
- UBND xã H.S, huyện M.Đ, HN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng